

CATALOGUE

THIẾT BỊ LƯỚI ĐIỆN

Power Grid Equipment



VỀ CHÚNG TÔI

About us

BHT Group – Nhà sản xuất hàng đầu tại Việt Nam với 22 năm uy tín vững chắc trong lĩnh vực cung ứng: Tủ bảng điện, thang máng cáp & sàn thao tác, thiết bị lưới điện, thiết bị viễn thông, thiết bị công trình giao thông và kết cấu thép.

Sở hữu hệ thống nhà máy tự động hóa cao – nổi bật là tổ hợp sản xuất BHT Nam Hà với quy mô hơn 83.000m², kết hợp quy trình khép kín đạt chuẩn ISO 9001:2015 & ISO 14001:2015.

Chúng tôi tự tin làm chủ tiến độ, tối ưu hóa chi phí và cam kết mang đến những giải pháp toàn diện, đạt độ an toàn và độ bền vượt trội cho các dự án và công trình trọng điểm.

***BHT Group** – A leading manufacturer in Vietnam with 22 years of trusted experience in supplying electrical panel cabinet, cable tray ladder & solar walkway, power grid equipment, telecommunication equipment, traffic infrastructure equipment, and steel structure.*

Owning a highly automated factory system – highlighted by the BHT Nam Hà manufacturing complex spanning over 83,000 m², integrated with closed-loop production processes that meet ISO 9001:2015 and ISO 14001:2015 standards.

We are confident in mastering project schedules, optimizing costs, and delivering comprehensive solutions with superior safety and durability for key projects and major constructions.



MỤC LỤC

Table of contents

I

CÔNG NGHỆ & QUY TRÌNH SẢN XUẤT

Manufacturing technology & manufacturing process

- 1.1 Công nghệ sản xuất 04
Manufacturing technology
- 1.2 Quy trình sản xuất 05
Manufacturing process

II

CHỨNG NHẬN & GIẢI THƯỞNG

Certification & award

- 2.1 Chứng nhận 07
Certification
- 2.2 Giải thưởng 08
Award

III

THIẾT BỊ LƯỚI ĐIỆN

Power grid equipment

- 3.1 Trụ thép V cho lưới 110/220/500kV 09
Steel V pillar for grid 110/220/500kV
- 3.2 Cột thép đơn thân cao thế 11
High-voltage steel monopole
- 3.3 Trụ 1 cột đỡ máy biến thế cho lưới dưới 35kV 12
1 column supports transformer for grids under 35kV

IV

PHỤ KIỆN LƯỚI ĐIỆN

Power grid accessories

- 4.1 Phụ kiện lưới điện cao thế 15
High-voltage grid accessories
- 4.2 Phụ kiện lưới điện trung - hạ thế 15
Medium and low voltage power grid accessories

I. CÔNG NGHỆ & QUY TRÌNH SẢN XUẤT

Manufacturing technology & manufacturing process

1.1 Công nghệ sản xuất

Manufacturing technology



Công nghệ chấn
Bending technology



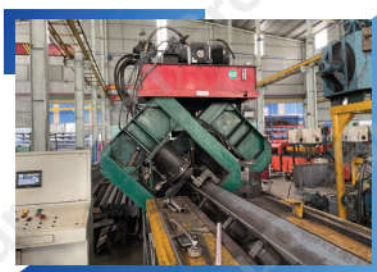
Máy cắt CNC laser
CNC plasma cutting machine



Công nghệ cắt
Cutting technology



Máy đột Dobby
Dobby punching machine



Đột cắt tự động CNC
CNC automatic punch & cut



Máy đột chặt thép V
V steel punching machine



Mài tự động
Automatic grinding process



Máy hàn hồ quang chìm
Submerged arc welding machine



Máy hàn robot
Robot welding machine



Sơn tĩnh điện
Automatic powder coating

QUY TRÌNH SẢN XUẤT TRỤ THÉP

Steel poles manufacturing process

1  Chuẩn bị: Thép tấm & thép hình V Prepare material: Steel plate & V shaped steel	2  Đột cắt tự động CNC Punching - CNC automatic cutting	3  Quy trình hàn Welding process
4  Quá trình lắp ráp thử Trial assembly process	5  Vệ sinh công nghiệp & Mạ kẽm nhúng nóng Industrial hygiene & Hot dip galvanizing process	6  Quy trình kiểm tra, đóng gói, xuất xưởng Process of checking, packing and shipping

QUY TRÌNH SẢN XUẤT CỘT THÉP ĐƠN THÂN CAO THẾ

High-voltage steel monopole manufacturing process

1  Chuẩn bị: Thép cuộn Prepare material: roll steel	2  Quy trình cán, chặt, xả băng Rolling cutting - slitting process	3  Quy trình chấn Bending process
4  Quy trình phay, mài, đánh bóng Milling, grinding and polishing process	5  Quy trình nắn Straighten process	6  Quy trình hàn hồ quang chìm Shut welding machine process
7  Hàn đế, hàn gông, hàn tai bắt phụ kiện Base plate, bracket and accessory lug welding	8  Vệ sinh công nghiệp Industrial hygiene	9  Mạ kẽm nhúng nóng/Sơn tĩnh điện Hot dip galvanizing/power coating
10  Quy trình kiểm tra, đóng gói, xuất xưởng Process of checking, packing and shipping		

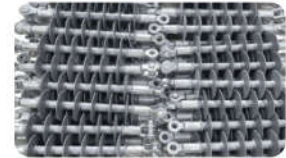
QUY TRÌNH SẢN XUẤT ĐÀ XÀ THÉP HÌNH V, U, I

V, U, I shaped steel cross arm manufacturing process

1  Chuẩn bị nguyên liệu: Thép hình V, U, I Prepare material: V, U, I shaped steel	2  Đột cắt tự động CNC-V, CNC-U, I CNC-V CNC - U automatic punching & cutting process	3  Quy trình hàn đà tự động Automatic welding process
4  Mài tự động Automatic grinding process	5  Mạ kẽm nhúng nóng Hot dip galvanizing process	6  Quy trình kiểm tra, đóng gói, xuất xưởng Process of checking, packing and shipping

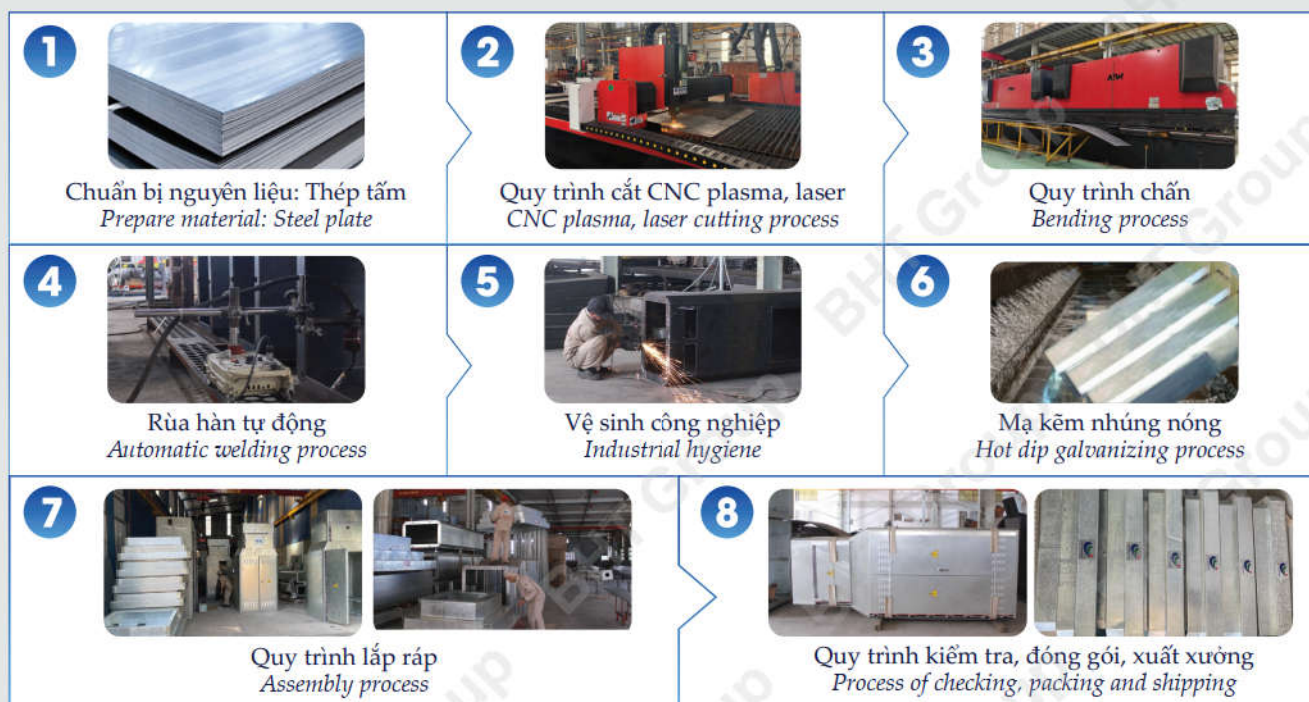
QUY TRÌNH SẢN XUẤT PHỤ KIỆN LƯỚI ĐIỆN

Manufacturing process of power grid accessories

1  Chuẩn bị vật liệu: thép V, thép la, thép tròn phi, thép vuông Prepare material: V, steel flat bar, round steel, square steel tube	2  Quy trình chặt, đột đa năng Bending process, multi-purpose punch	3  Quy trình đột Punching process
4  Uốn tạo hình Roll forming process	5  Đập hình Stamping forming process	6  Hàn robot Robotic welding process
7  Mạ kẽm nhúng nóng Hot dip galvanizing process	8  Lắp ráp Assembly process	9  Quy trình kiểm tra, đóng gói, xuất xưởng Process of checking, packing and shipping

QUY TRÌNH SẢN XUẤT TRỤ ĐỒ MÁY BIẾN THÉ

Pillar substation transformer manufacturing process



II. CHỨNG NHẬN & GIẢI THƯỞNG

Certification & award

2.1

Chứng nhận

Certification



ISO 9001:2015 Hệ Thống
Quản Lý Chất Lượng
ISO 9001:2015

Quality Management System

ISO 14001:2015 Hệ Thống
Quản Lý Môi Trường
ISO 14001:2015

Environmental Management System

Sản Phẩm, Dịch Vụ Chất Lượng Siêu Việt
Product And Service Certificate Super Quality



Sản Phẩm Công Nghiệp & Công Nghiệp Hỗ Trợ Tiêu Biểu
Industrial Products & Typical Supporting Industry



Độc Quyền Kiểu Dáng Công Nghiệp
Trụ Đỡ Máy Biến Áp
Industrial Design Monopoly
Transformer Support Structure

2.2 Giải thưởng Award



Giải Thưởng Thương Hiệu Vàng
Tp. Hồ Chí Minh 2024
Golden Brand Award 2024



Giải Thưởng Sao Đỏ 2025, 2019
Vietnam Red Star Award 2025, 2019



Giải Thưởng Doanh Nghiệp
Tp. Hồ Chí Minh 2022, 2020
Ho Chi Minh City Outstanding
Business Awards 2022, 2020



Sản Phẩm Công Nghiệp Và
Công Nghiệp Hỗ Trợ Tiêu Biểu 2020, 2018
Industrial Products & Typical Supporting
Industry 2020, 2018 Award



Giải Thưởng
Sao Vàng Đất Việt 2021
Vietnam Gold Star 2021 Award



Giải Thưởng Sản Phẩm Vàng 2011
Golden Product 2011 Award

III. THIẾT BỊ LƯỚI ĐIỆN

Power grid equipment

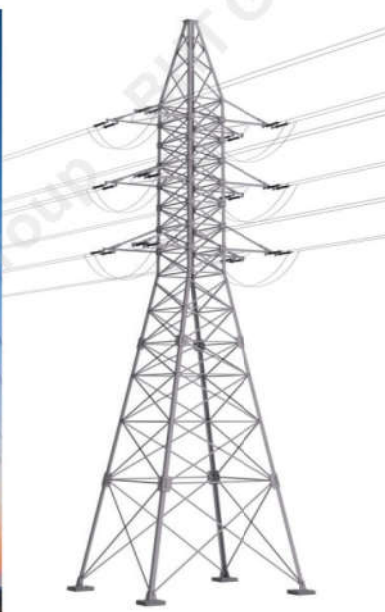
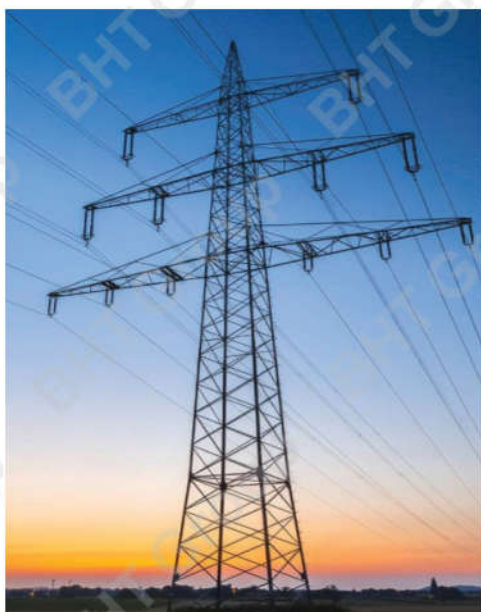
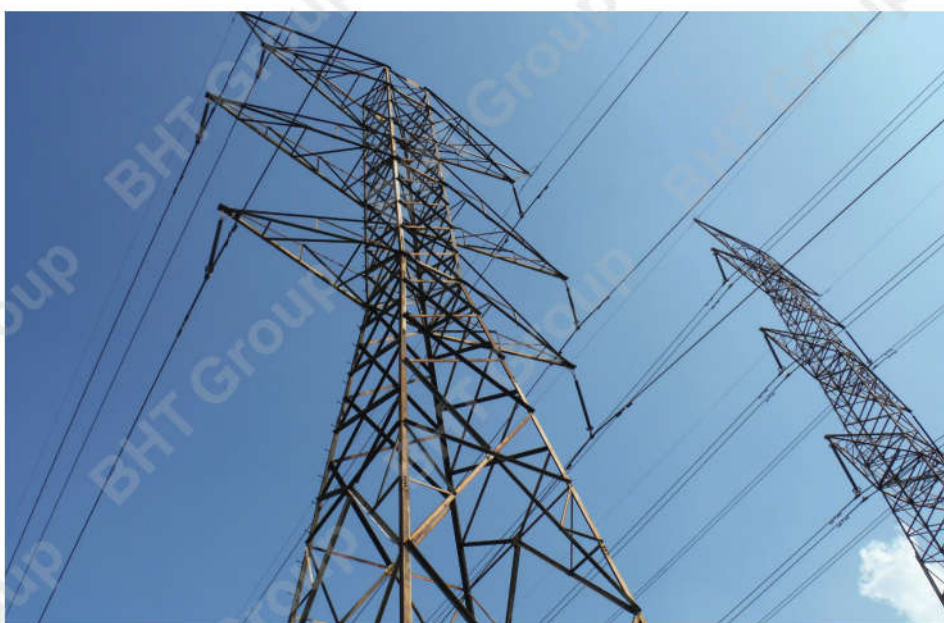
Các sản phẩm cột thép là sản phẩm dùng để truyền tải và phân phối điện năng, được bố trí ngoài trời. Cột thép có chiều cao 15m, 18m, 21m, 27m, 29m, 36m... bao gồm cột đỡ, cột néo, cột vượt, cột trong trạm biến áp với mức điện áp từ 110 - 500kV.

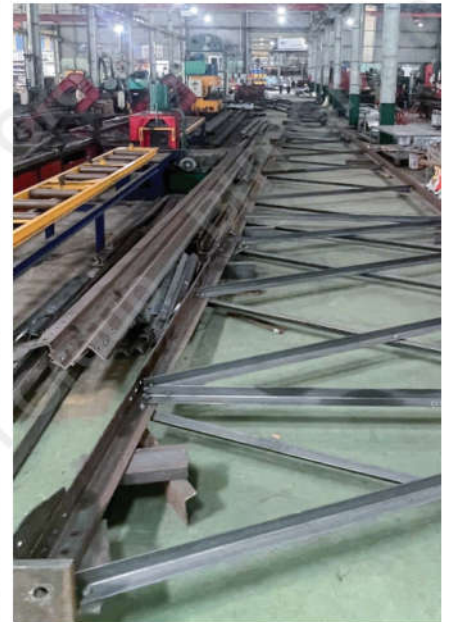
Steel pole products are used for power transmission and distribution and are installed outdoors. The steel poles have heights of 15m, 18m, 21m, 27m, 29m, 36m, etc., including suspension poles, anchor poles, crossing poles, and poles installed in substations, with voltage levels ranging from 110kV to 500kV.

3.1

Trụ thép V cho lưới 110/220/500kV

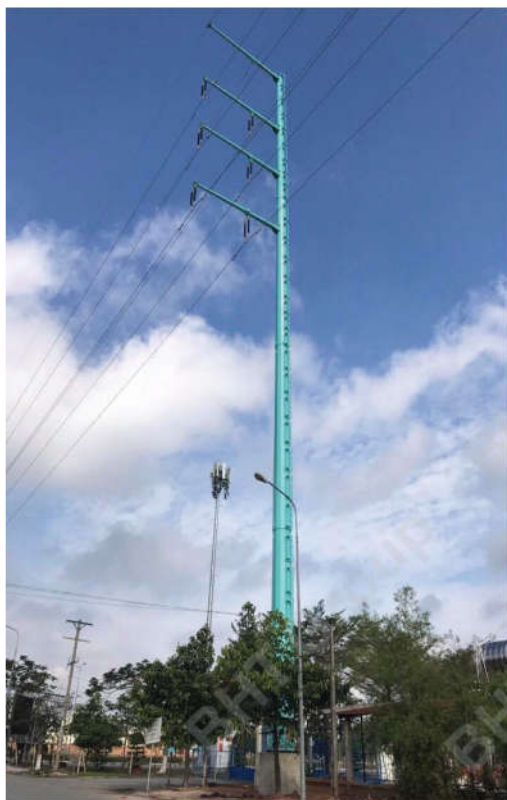
Steel V pillar for grid 110/220/500kV



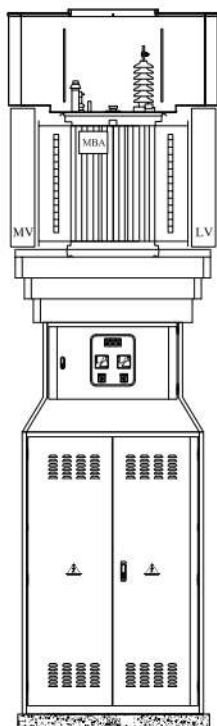


THÔNG SỐ KỸ THUẬT / Specifications

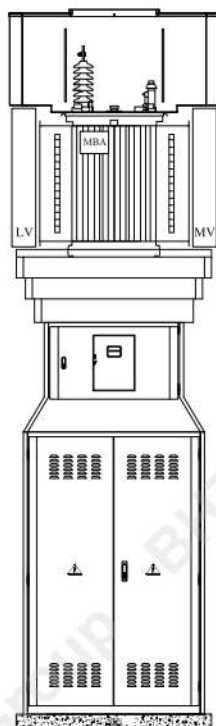
MÔ TẢ Describe	LOẠI Type	KÍCH THƯỚC (mm) Size			PHƯƠNG ÁN PHỦ BỀ MẶT Surface coating plan	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG Applicable standards
		ĐỘ DÀI CẠNH Edge length	ĐỘ DÀY Thickness	CHIỀU DÀI Length		
Cột thép đường dây 110-220kV Steel line poles	Thép HL Steel HL	120, 130, 150, 175, 200, 250	8, 9, 10, 12, 15, 20, 25, 35	100 - 12000	Mạ kẽm nhúng nóng Bề mặt lớp phủ đều không bong tróc Hot dip galvanized Even coating surface no peeling	TCVN 5575-2012 JIS G3101:2015 JIS G3106:2015 TCVN 1765-75 TCVN 7571:2006 TCVN 1656:1996 TCVN 5408:2007 TCVN 4392:1986 TCVN 5709:2009 18 TCN 04-92
	Thép L Steel L	30, 40, 50, 60, 65, 70, 75, 80, 90, 100, 120, 125, 150	5, 6, 7, 8, 9, 10			



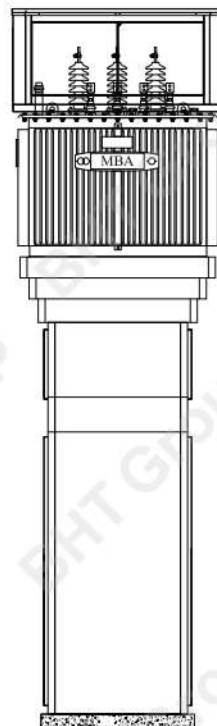
Trụ tích hợp 3 ngăn
The pillar integrates 3 compartments



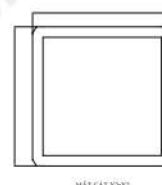
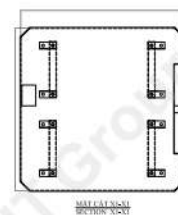
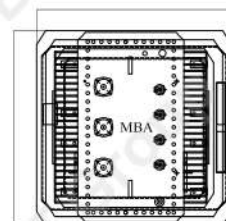
Mặt trước
Font view



Mặt sau
Back view



Mặt hông
Side view



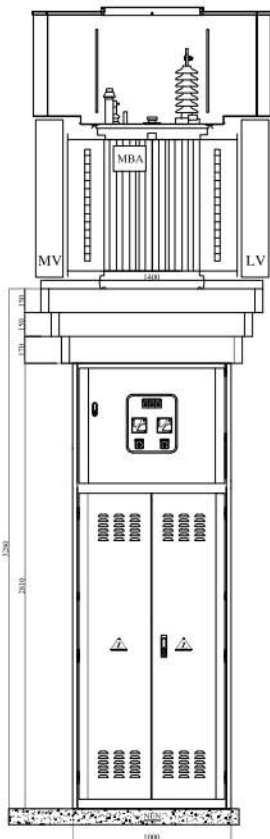
Các mặt cắt
Cross sections

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / Specifications

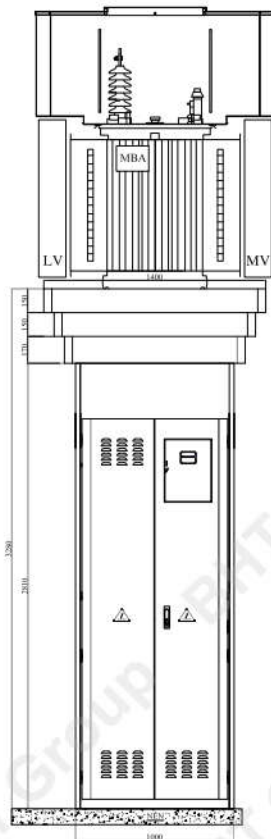
CHI TIẾT <i>Detail</i>	VẬT LIỆU <i>Material</i>	KÍCH THƯỚC <i>Size</i>
Thân trụ <i>Pillar body</i>	Thép dày 5mm <i>5mm thick steel</i>	D1000xW1300xH3100
		D1000xW1450xH3100
Tấm đỡ máy biến thế <i>Transformer support plate</i>	Thép dày 5mm <i>5mm thick steel</i>	
Vành che máy biến thế <i>Transformer cover</i>	Thép dày 3mm <i>3mm thick steel</i>	
Mặt bít đỉnh và đáy trụ <i>Cylinder top and bottom sealing surfaces</i>	Thép dày 10mmx800 <i>10mmx800 thick steel</i>	
Bung gấn thiết bị <i>Equipment rack</i>	Bakelit - dày 5mm <i>Bakelit- 5mm thickness</i>	
Cửa thân trụ <i>Pillar door</i>	Tole 2mm nhúng nóng <i>2mm dipped steel</i>	
Xử lý bề mặt <i>Surface treatment</i>	Làm sạch - nhúng nóng <i>Cleaning - hot dipping</i>	



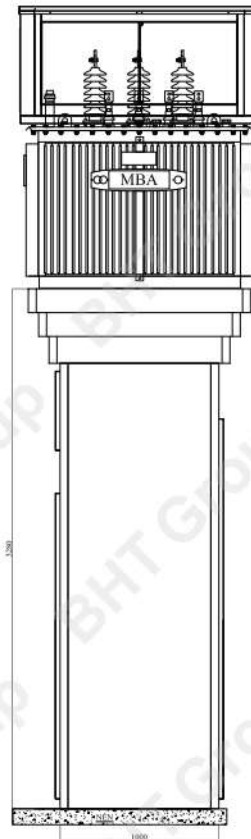
Trụ tích hợp 2 ngăn
The pillar integrates 2 compartments



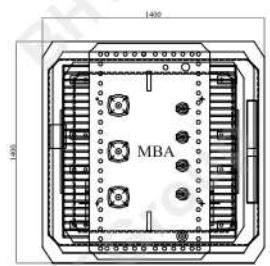
Mặt trước
Font view



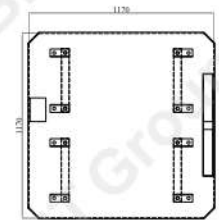
Mặt sau
Back view



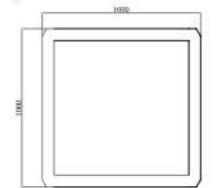
Mặt hông
Side view



MẶT ĐỈNH
TOP VIEW



MẶT CẮT X-N
SECTION X-N



MẶT CẮT X-N
SECTION X-N

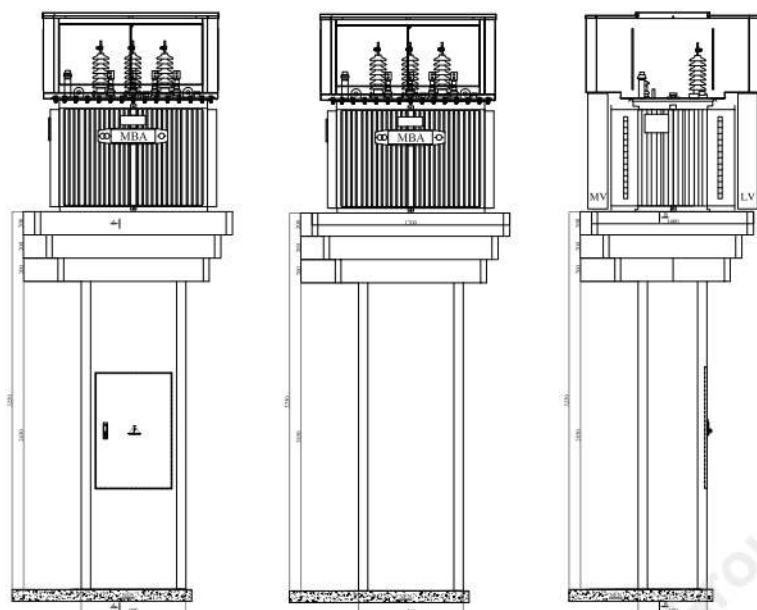
Các mặt cắt
Cross sections

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / Specifications

CHI TIẾT Detail	VẬT LIỆU Material	KÍCH THƯỚC Size
Thân trụ Pillar body	Thép dày 5mm 5mm thick steel	D1000xW1000xH3100
Tấm đỡ máy biến thế Transformer support plate	Thép dày 5mm 5mm thick steel	
Vành che máy biến thế Transformer cover	Thép dày 3mm 3mm thick steel	
Mặt bít đỉnh và đáy trụ Cylinder top and bottom sealing surfaces	Thép dày 10mmx800 10mmx800 thick steel	
Bung gấn thiết bị Equipment rack	Bakelit - dày 5mm Bakelit- 5mm thickness	
Cửa thân trụ Pillar door	Tole 2mm nhúng nóng 2mm dipped steel	
Xử lý bề mặt Surface treatment	Làm sạch - nhúng nóng Cleaning - hot dipping	



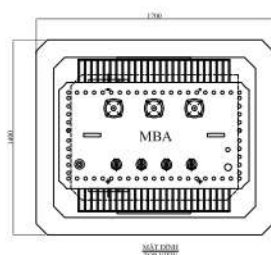
Trụ 1 cột đỡ máy biến thế cho lưới dưới 35kV 1 column supports transformer for grids under 35kV



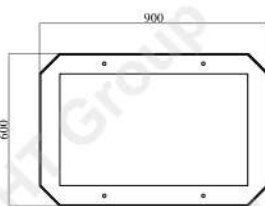
Mặt trước
Font view

Mặt sau
Back view

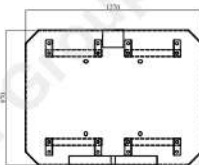
Mặt hông
Side view



MẶT ĐÓNG
TOP VIEW



MẶT CẮT X2-X2
SECTION X2-X2



MẶT CẮT X2-X2
SECTION X2-X2



Trụ đơn
Single pillar

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / Specifications

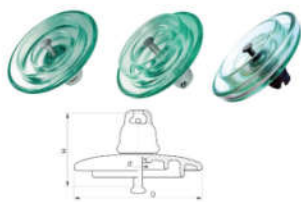
CHI TIẾT Detail	THÔNG TIN Information	TRỤ THÉP CHO CÁC LOẠI MÁY BIẾN THỂ Steel pillars for transformers			
	Máy biến thế Transformer	100KVA-250KVA	320KVA-400KVA	560KVA-630KVA	750KVA-800KVA
Thân trụ Pillar body	Vật liệu/Material	Thép dày 5mm/5mm thick steel			
	Kích thước/Size	3000Hx900Wx600D			3000Hx1000Wx700D
Tấm đỡ máy biến thế Transformer support plate	Vật liệu/Material	Thép dày 5mm/5mm thick steel			
	Kích thước/Size	206Hx1285Wx986D	206Hx1285Wx986D	206Hx1500Wx1200D	206Hx1600Wx1300D
Vành che máy biến thế Transformer cover	Vật liệu/Material	Thép dày 2 - 3mm/2 - 3mm thick steel			
	Kích thước/Size	200Hx1700Wx1400D	200Hx1600Wx1900D	200Hx2000Wx1800D	200Hx2200Wx1900D
Mặt bít đỉnh và đáy trụ Cylinder top & bottom sealing surfaces	Vật liệu/Material	Thép dày 10mmx800/10mmx800 thick steel			
Bung gấn thiết bị Equipment rack	Vật liệu/Material	Bakelit - dày 5mm/Bakelit - 5mm thick steel			
	Kích thước/Size	1000Hx660W			
Cửa thân trụ Pillar door	Vật liệu/Material	Tôn 2mm nhúng nóng/2mm hot dipped corrugated iron			
	Kích thước/Size	1080Hx650W			
Xử lý bề mặt Surface treatment		Làm sạch - Nhúng nóng/Cleaning - Hot dip			

IV. PHỤ KIỆN LƯỚI ĐIỆN

Power grid accessories

4.1 Phụ kiện lưới điện cao thế

High-voltage grid accessories



Sứ treo thủy tinh
Porcelain hanging glass



Sứ treo Polymer
Polymer ceramic suspension



Sứ treo đứng
Porcelain hanging vertically



Mắt nối kép
Socket eyes



Khóa néo 5U
5U Anchor Clamp



Mắt nối điều chỉnh
Adjustable connecting eye



Khánh néo
Yoke plate



Móc treo chữ U
Shackles

Note: Các thông số kỹ thuật được cung cấp theo dự án khách hàng yêu cầu
Technical specifications are provided according to customer project requirements

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG / Standards

TCVN 1765-75	TCVN 1656 - 93	TCVN 5408:2007
TCVN 7571:2006	TCVN 5709:2009	TCVN 4392:1986

4.2 Phụ kiện lưới điện trung - hạ thế

Medium - low voltage power grid accessories



THÔNG SỐ KỸ THUẬT / Specifications

MÔ TẢ Describe	LOẠI Type	KÍCH THƯỚC (mm) Size			PHƯƠNG ÁN PHỦ BỀ MẶT Surface coating plan	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG Applicable standards
		ĐỘ DÀI CẠNH Edge length	ĐỘ DÀY Thickness	CHIỀU DÀI Length		
Bộ đà trạm ngồi, trạm giàn Sitting station and gantry set	Thép U Steel U	100x46 160x64	3 - 7,5	100 - 6000	Mạ kẽm nhúng nóng Hot dip galvanized	TCVN 1765-75; TCVN 7571:2006; TCVN 1656:1996; TCVN 5408:2007; TCVN 4392:1986; TCVN 5709:2009;



THÔNG SỐ KỸ THUẬT / Specifications

MÔ TẢ Describe	LOẠI Type	KÍCH THƯỚC (mm) Size			PHƯƠNG ÁN PHỦ BỀ MẶT Surface coating plan	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG Applicable standards
		ĐỘ DÀI CẠNH Edge length	ĐỘ DÀY Thickness	CHIỀU DÀI Length		
Đà (xà) Steel cross arm	Thép V (L) Steel V (L)	25x25 ... 50x50; 63x63; 75x75 ... 250x250	2 - 35	100 - 12000	Mạ kẽm nhúng nóng Bề mặt lớp phủ đều không bong tróc. Hot dip galvanized Even coating surface no peeling	TCVN 1765-75 TCVN 7571:2006 TCVN 1656:1996 TCVN 5408:2007 TCVN 4392:1986 TCVN 5709:2009 18 TCN 04-92
Thanh chống Struts bar	Thép U Steel U	49x24; 50x22 ... 100x46 ... 300x85; 400x100	2,5 - 10,5			
Chụp đầu cột Capture the column head	Thép dẹt Flat steel	10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90, 100, 120, 150	1,5 - 10			
	Thép tấm Steel plate	-	1 - 10			



THÔNG SỐ KỸ THUẬT / Specifications

MÔ TẢ Describe	LOẠI Type	KÍCH THƯỚC (mm) Size			PHƯƠNG ÁN PHỦ BỀ MẶT Surface coating plan	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG Applicable standards
		ĐỘ DÀI CẠNH Edge length	ĐỘ DÀY Thickness	CHIỀU DÀI Length		
- Bulong 1 đầu răng Bolts have 1 tooth head - Bulong mắt Eye bolts - Bulong móc Hook bolts - Bulong xoắn Pigtail bolts - Bulong ven răng 2 đầu Bolts have 2 tooth head - Bulong inox Stainless steel bolts - Bulong đồng Copper bolts	Thép tròn, Inox Round steel Stainless steel	Ø < 20 Ø ≥ 20	-	10-3000	Mạ kẽm nhúng nóng, Mạ đồng, Inox Bề mặt lớp phủ đều, không bong tróc Hot dip galvanized, Copper plated, Stainless steel Even coating surface no peeling	TCVN 1889-76; TCVN 1876-76; TCVN 1897-76; TCVN 1896-76; TCVN 4392:1986; TCVN 72-63; TCVN 102-63; TCVN 2246-77; TCVN 1916-1995; TCVN 1917-76; TCVN 2248-77; TCVN 5408:2007;
- Long đèn tròn Round washers - Long đèn vuông Square washers - Long đèn vênh Warped washers	Thép tấm, Inox Steel plate Stainless steel	-	-	-	Mạ kẽm nhúng nóng, Inox Hot dip galvanized, Stainless steel	TCVN 2061-77 TCVN 134-77 TCVN 120-77

			
Vòng treo đầu tròn Ball eyes	Mắt nối đơn Socket eyes	Khánh néo Yoke Plate	Khóa néo Strain clamps
			
Kẹp yên ngựa Suspension clamps	Kẹp U-Bolt U-Bolt clamp	Móc treo chữ U Shackles	Giá lắp FCO-LA FCO-LA mounting bracket
			
Giá treo MBA 3 pha 3-phase MBA mounting bracket	Giá treo MBA 1 pha 1-phase MBA mounting bracket	Collier bắt tủ Collier caught the cabinet	Collier kẹp ống Collier pipe clamps
			
Uclevis Rack đỡ 1 sứ Uclevis Rack supports 1 porcelain	Rack đỡ 2, 3, 4 sứ Rack supports 2, 3, 4 ceramics	Chân sứ đỉnh Top insulator pin	Ty sứ Insulator pins

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / Specifications

MÔ TẢ Describe	LOẠI Type	PHƯƠNG ÁN PHỦ BỀ MẶT Surface coating plan	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG Applicable standards
Vòng treo đầu tròn, Mắt nối đơn, Khánh néo, Khóa néo, Kẹp yên ngựa, Kẹp U-Bolt, Móc treo chữ U Ball eyes, Socket eyes, Yoke Plate, Strain clamps, Suspension clamps, U-Bolt clamp, Shackles	Thép tròn, Thép tấm, Inox Round steel, Steel plate, Stainless steel	Mạ kẽm nhúng nóng Inox Hot dip galvanized Stainless steel	TCVN 1765-75 TCVN 7571-2006 TCVN 1656-93 TCVN 5408-2007 TCVN 4392-1986 TCVN 5709-2009
Giá lắp FCO-LA, Giá treo MBA 3 pha, Giá treo MBA 1 pha, Collier bắt tủ, Collier kẹp ống FCO-LA mounting bracket, 3-phase MBA mounting bracket, 1-phase MBA mounting bracket, Collier caught the cabinet, Collier pipe clamps	Thép tấm, Inox Steel plate, Stainless steel	Mạ kẽm nhúng nóng Hot dip galvanized	
Uclevis, Rack đỡ 2-3-4 sứ, Chân sứ đỉnh, Ty sứ Uclevis Rack supports 1 porcelain Rack supports 2, 3, 4 ceramics Top insulator pin, Insulator pins	Thép tròn, Thép tấm, Inox Round steel, Steel plate, Stainless steel	Mạ kẽm nhúng nóng Hot dip galvanized	

			
Bộ chằng lệch và Ty neo <i>Displacement tie set & anchor tie</i>	Yếm cáp <i>Guy thimbles</i>	Kẹp thanh nối đất <i>Ground rod clamp</i>	Bộ neo xòe <i>Spread anchor set</i>
			
Tăng đo <i>Turnbuckle</i>	Máng che dây chằng <i>Support for ground steel wire</i>	Cổ dẻ chằng trụ <i>Pole band</i>	Cọc tiếp địa <i>Ground rods</i>
			
Kẹp ngừng cáp ABC <i>Strain clamps for ABC cable</i>	Kẹp ngừng cáp Duplex <i>Duplex cable stop clamp</i>	Giá móc đôi <i>Double suspension clamp bracket</i>	Móc treo dây mắc điện <i>Electrical wire hanger</i>
			
Kẹp treo cáp ABC <i>Suspension clamp for ABC cable</i>	Ống nối cáp ABC <i>ABC cable connector</i>	Giá móc đơn <i>Suspension clamp bracket</i>	Kẹp ngừng cáp Quaduplex <i>Quaduplex cable stop clamp</i>

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / Specifications			
MÔ TẢ <i>Describe</i>	LOẠI <i>Type</i>	PHƯƠNG ÁN PHỦ BỀ MẶT <i>Surface coating plan</i>	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG <i>Applicable standards</i>
Bộ chằng lệch và Ty neo, Yếm cáp, Kẹp thanh nối đất, Bộ neo xòe, Tăng đo, Máng che dây chằng, Cổ dẻ chằng trụ, Cọc tiếp địa <i>Displacement tie set & anchor tie, Guy thimbles, Ground rod clamp, Spread anchor set, Turnbuckle, Support for ground steel wire, Pole band, Ground rods</i>	Thép V, Thép tròn Thép tấm, Inox <i>V steel, Round steel Steel plate, Stainless steel</i>	Mạ kẽm nhúng nóng Mạ đồng, Inox <i>Hot dip galvanized Copper plated Stainless steel</i>	TCVN 1765-75 TCVN 7571-2006 TCVN 1656-93 TCVN 5408-2007 TCVN 4392-1986 TCVN 5709-2009
Kẹp ngừng cáp ABC Kẹp ngừng cáp Duplex, Giá móc đôi Móc treo dây mắc điện Kẹp treo cáp ABC Ống nối cáp ABC, Giá móc đơn Kẹp ngừng cáp Quaduplex <i>Strain clamps for ABC cable Duplex cable stop clamp Double suspension clamp bracket Electrical wire hanger Suspension clamp for ABC cable ABC cable connector, Suspension clamp bracket Quaduplex cable stop clamp</i>	Thép tròn Thép tấm, Inox, Nhôm <i>Round steel, Steel plate Stainless steel, Aluminum</i>	Mạ kẽm nhúng nóng <i>Hot dip galvanized</i>	TCVN 3624-81 TCVN 5408-2007 AS 1154.1; AS 3766 HN 33-S-63 AS/NZS 4396-1999 IEC 61284 NFC 33-020-2013



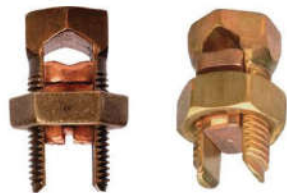
Kẹp quai
Stirrup clamps



Kẹp hotline
Hotline clamp



Ống nối dây AC, ACSR
Compression joint for
AC, ACSR, conductor



Split bolt
Split bolt



Kẹp WR
Compression tap connector



Đầu cosse đồng, đồng - nhôm
Al/Cu compression cable lugs



Kẹp AC - Kẹp rẽ nhánh song song
Parallel groove clamp for AC conductor



Kẹp rẽ nhánh đồng - nhôm
Aluminum copper parallel groove



Ống nối đồng
Compression joint for Cu conductor

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / Specifications

MÔ TẢ Describe	LOẠI Type	PHƯƠNG ÁN PHỦ BỀ MẶT Surface coating plan	TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG Applicable standards
Kẹp quai, Kẹp hotline Ống nối dây AC, ACSR Split bolt, Kẹp WR Đầu cosse đồng, đồng - nhôm Kẹp AC - Kẹp rẽ nhánh song song Kẹp rẽ nhánh đồng - nhôm Ống nối đồng Stirrup clamps, Hotline clamp, Compression joint for AC, ACSR, Conductor split bolt, Compression tap connector Al/ Cu compression cable lugs Parallel groove clamp for AC conductor Aluminum copper parallel groove Compression joint for Cu conductor	Thép tròn, Thép tấm Inox, Nhôm Round steel, Steel plate, Stainless steel, Aluminum	Mạ kẽm nhúng nóng, Mạ đồng, Mạ thiếc Hot dip galvanized, Copper plated, Tin plated	TCVN 3624-81 TCVN 5408-2007 AS 1154.1 AS 3766 HN 33-S-63 AS/NZS 4396-1999 IEC 61284 NFC 33-020-2013



TRỤ SỞ & NHÀ MÁY

Head Office & Factory

TRỤ SỞ CHÍNH TP. HỒ CHÍ MINH

1050/14 Đường Phạm Văn Đồng, KP 9, P. Hiệp Bình, TP. HCM.

Phone: 0912 254 419

Email: bht@bht.vn

Liên hệ tư vấn, báo giá: sales@bht.vn

NHÀ MÁY BHT BÌNH DƯƠNG

Lô B2 - Đường số 3, KCN Tân Đông Hiệp B, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM.

NHÀ MÁY BHT HÓA AN

102/22A Huỳnh Mẫn Đạt, KP Bình Hóa, P. Biên Hòa, Đồng Nai.

NHÀ MÁY BHT ĐÀ NẴNG

CGN Hòa Nhơn, Xã Bà Nà, TP. Đà Nẵng.

NHÀ MÁY BHT NAM HÀ

CCN Nam Hà 2, Đường Đông Hà - Gia Huỳnh, Xã Trà Tân, Lâm Đồng.

CHI NHÁNH

Branches

CHI NHÁNH HÀ NỘI: số 25, ngõ 43/19 Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.
Phone: 0912 254 419

CHI NHÁNH NGHỆ AN: Toà nhà An Phát Complex, Đường 72M, TP. Vinh, Nghệ An, Việt Nam.
Phone: 0912 254 419

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG: 234 Đường Nguyễn Trí Phương, P. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.
Phone: (0236) 3727 656 - 3727 677

CHI NHÁNH PHÚ YÊN: Căn hộ The Light Phú Yên số CH8-03, 220 Trần Hưng Đạo, P. Tuy Hòa, Đắk Lắk, Việt Nam.
Phone: (0257) 3838 868

CHI NHÁNH NHA TRANG: STH23A-24 đường 1A KĐT Lê Hồng Phong 2, P. Nam Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam.
Phone: (0258) 3875 265

CHI NHÁNH BUÔN MA THUỘT: 191 Mai Hắc Đế, P. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk, Việt Nam.
Phone: (0262) 3843 517

CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG: Lô B2 - Đường số 3, KCN Tân Đông Hiệp B, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM, Việt Nam.
Phone: (0274) 3776 162

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI: 102/22A Đường Huỳnh Mẫn Đạt, KP Bình Hóa, P. Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam.
Phone: (0251) 2860 364

CHI NHÁNH CẦN THƠ: 17 Đường Số 1, KDC Quân Báo, P. Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam.
Phone: 0912 254 419

CHI NHÁNH PHÚ QUỐC: Villa Phong Nhã 3, Ấp Búng Gội, Cửa Dương, Phú Quốc, An Giang, Việt Nam.
Phone: 0912 254 419

